

Số: 701/2024/ CBTT-CBS

Cao Bằng, ngày 18 tháng 09 năm 2024

V/v: Công bố Báo cáo thường niên  
năm 2023

**Kính gửi:** - Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội  
- Cổ đông Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng

**I. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG**

Mã chứng khoán: CBS

Địa chỉ trụ sở chính: Tổ dân phố Đoàn Kết, Thị trấn Tà Lùng - huyện Quảng  
Hòa - tỉnh Cao Bằng

Điện thoại liên hệ: 0206 3 824121 Số Fax: 0206 3 824113

E-mail: caobangsugar@gmail.com

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nông Văn Thuyết

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng

Loại thông tin công bố:  24h  72h  yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

**II. Nội dung thông tin công bố:**

Công bố BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023 (kỳ hoạt động từ tháng 07/2023  
đến hết tháng 06/2024) của Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng.

Thông tin này đã được công bố trên website của Công ty vào ngày 18/09/2024 tại  
đường dẫn:

<http://www.miaduongcaobang.vn>

Chúng tôi cam kết, các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn  
chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng./.

**Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo thường niên số 700/2024/BCTN-CBS ngày 18/09/2024.

**Nơi nhận :**

- Như kính gửi;
- Đăng website;
- Lưu Vt.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN  
CHỦ TỊCH HĐQT**



**Nông Văn Thuyết**

Số: 700 /2024/CBTN-CBS

Cao Bằng, ngày 18 tháng 09 năm 2024

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG**  
**Năm tài chính: Từ 01/07/2023 đến 30/06/2024**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Thông tin khái quát .**

- Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1103000035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp lần đầu ngày 14/03/2006 đến nay đã được thay đổi lần thứ 06: mã số doanh nghiệp 4800104012 ngày 12/05/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp.
- Vốn điều lệ : 52.918.680.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 52.918.680.000 đồng
- Địa chỉ : Tổ dân phố Đoàn kết, thị trấn Tà Lùng, huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng
- Số điện thoại : 026 3824121 ; Số Fax : 026 3824113
- Website : [www.miaduongcaobang.vn](http://www.miaduongcaobang.vn)
- Mã cổ phiếu: CBS

**2. Quá trình hình thành và phát triển .**

- Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng tiền thân là Công ty mía đường Cao Bằng được khởi công xây dựng theo Quyết định số 292/UB-QĐ ngày 16/04/1995 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng. Đến tháng 12/1997 nhà máy được hoàn thành và đi vào vụ sản xuất đầu tiên với công suất thiết kế là 700 tấn mía/ ngày.
- Ngày 08/07/1996 Ủy ban nhân dân tỉnh Cao bằng ban hành Quyết định số 584/UB-QĐ-DN về việc thành lập doanh nghiệp Nhà nước Công ty mía đường Cao Bằng.
- Giai đoạn từ năm 1998 đến năm 2005: Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn, vùng nguyên liệu phát triển chưa ổn định không cung cấp đủ

nguyên liệu mía cho sản xuất, sản xuất kinh doanh kém hiệu quả, thua lỗ triền miên, Công ty có nguy cơ bị phá sản, đây cũng là tình hình chung của các công ty sản xuất mía đường trong nước. Trước những khó khăn chung của ngành sản xuất mía đường, để tháo gỡ khó khăn Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 28/2004/QĐ-TTg ngày 04/03/2004 về việc tổ chức lại sản xuất và thực hiện một số giải pháp xử lý khó khăn đối với các nhà máy và công ty đường.

- Thực hiện Quyết định 28 của Chính phủ, các khó khăn lớn về tài chính của Công ty mía đường Cao Bằng đã được giải quyết, Công ty đã được chính phủ cho phép xóa nợ thuế, nợ lãi tiền vay ngân hàng, nợ phí bảo lãnh nhập khẩu thiết bị, được cấp bù chênh lệch tỷ giá, được gia hạn trả nợ vốn vay đầu tư xây dựng Nhà máy, được bổ sung mở rộng vùng nguyên liệu mía và được sắp xếp chuyển đổi hình thức sở hữu sang công ty cổ phần.
- Ngày 19/12/2005 Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng đã ban hành Quyết định số 3560/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty mía đường Cao Bằng thành công ty cổ phần. Ngày 20/01/2006 Đại hội đồng cổ đông sáng lập công ty được tổ chức, Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng chính thức đi vào hoạt động theo giấy chứng nhận kinh doanh lần đầu số 1103000035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Cao Bằng cấp ngày 14/03/2006 với số vốn điều lệ ban đầu là 3.638.960.000 đồng.
- Giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2009: Sau khi chuyển đổi hình thức sở hữu sang công ty cổ phần, công ty vẫn gặp nhiều khó khăn, sản xuất kinh doanh chưa hiệu quả do năng lực về tài chính còn yếu; thị trường tiêu thụ chưa ổn định; giá bán đường thấp; công suất của dây truyền sản xuất đường chưa được nâng cấp cải tạo dẫn đến thời gian vụ sản xuất kéo dài (vụ ép 2007-2008 kéo dài đến tháng 6/2008) sản xuất không hiệu quả.
- Trước những khó khăn thách thức mới, Ban lãnh đạo Công ty đã lựa chọn giải pháp đầu tư nâng công suất dây truyền sản xuất chế biến đường nhằm rút ngắn thời gian sản xuất, tăng hiệu suất thu hồi, giảm chi phí sản xuất để giảm giá thành sản phẩm. Năm 2010 Hội đồng quản trị Công ty đã phê duyệt dự án đầu tư nâng công suất dây truyền sản xuất đường từ 700 tấn mía/ ngày lên 1.800 tấn mía/ ngày, dự kiến hoàn thành trong năm 2014. Kết quả thực hiện, sau khi được đầu tư nâng cấp đến vụ sản xuất 2012-2013 công suất ép thực tế đạt 1.600 tấn mía/ ngày, các vụ sản xuất tiếp theo công suất ép thực tế đều đạt 1.700 tấn mía/ ngày, dây truyền sản xuất ổn định đáp ứng được yêu cầu đề ra, sản xuất kinh doanh của Công ty từng bước được ổn định, hiệu quả.
- Công ty đã trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 1943/UBCK-QLPH ngày 01/6/2012 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
- Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường UPCOM kể từ ngày 20/06/2017.

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.

a. **Ngành nghề kinh doanh:** Sản xuất đường kính từ cây mía;

Sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh.

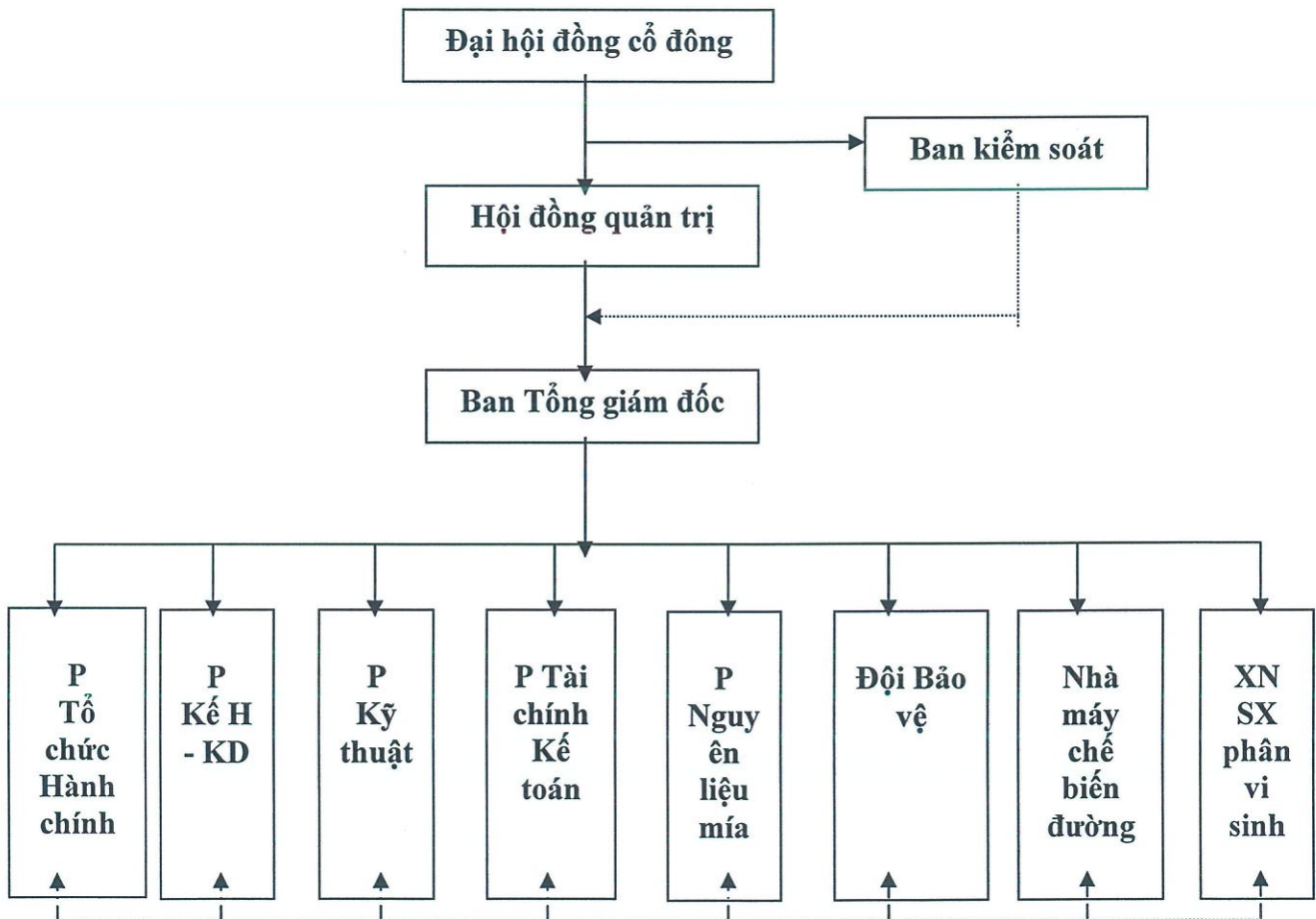
b. **Địa bàn kinh doanh:**

- Vùng nguyên liệu mía: Gồm Huyện Quảng Hòa (sáp nhập huyện Phục Hòa và Huyện Quảng Uyên), Huyện Thạch An, huyện Trùng Khánh của Tỉnh Cao Bằng.
- Địa bàn tiêu thụ: Địa bàn tiêu thụ chính trong hai năm gần nhất là các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Lạng Sơn, Hà Nội, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Thái Nguyên, Cao Bằng và các tỉnh lân cận.

### 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý .

- Mô hình quản trị và Cơ cấu bộ máy quản lý .

Sơ đồ tổ chức bộ máy công ty



- Công ty con, công ty liên kết: Không có .

### 5. Định hướng phát triển :

- **Mục tiêu chủ yếu :**

Phát triển Công ty thành một doanh nghiệp kinh doanh đa ngành nghề trên cơ sở phát huy tối ưu ngành chế biến mía đường, sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh, từng bước phát triển vững chắc các ngành nghề, lĩnh vực sản xuất , dịch vụ nhằm tăng nhanh quy mô và hiệu quả kinh doanh đưa công ty thành một doanh nghiệp mạnh trên địa bàn Tỉnh Cao Bằng.

- **Kế hoạch phát triển :**

- + **Sản xuất mía đường :**

- Xây dựng vùng nguyên liệu: Ủy ban nhân Tỉnh Cao Bằng đã phê duyệt bổ sung quy hoạch vùng nguyên liệu mía giai đoạn 2012-2015 tại Quyết định số 1839/QĐ-UBND ngày 28/11/2012 nâng tổng diện tích mía theo quy hoạch lên 4.200 ha nằm trên 26 xã, thị trấn thuộc 03 huyện Phục Hòa, huyện Quảng Uyên, huyện Thạch An của tỉnh Cao Bằng với mục tiêu của Công ty nhằm phát triển vùng nguyên liệu mía ổn định, bền vững, cung cấp đủ sản lượng mía nguyên liệu từ 200.000 tấn trở lên theo lộ trình mở rộng công suất của Công ty .

- Ứng dụng khoa học kỹ thuật, công tác khuyến nông vào việc thâm canh tăng năng suất, chuyển dịch cơ cấu giống mía mới cho năng suất và chất lượng cao .

- Tiếp tục duy trì công suất chế biến đường từ 1.700 – 1.800 tấn mía/ ngày trong giai đoạn 2020-2025 trên dây chuyền công nghệ tiên tiến đảm bảo đường thành phẩm đạt chất lượng cao phù hợp thị hiếu người tiêu dùng .

- Tiếp tục củng cố mối quan hệ với chính quyền địa phương, các xã có diện tích mía và người dân trồng mía với phương châm đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp và người nông dân .

- Thực hiện liên kết hợp tác với nhà máy đường Trung Quốc để có các bộ giống mới thay thế các bộ giống đã dùng lâu năm, chũr đường thấp

- Mở rộng diện tích vùng nguyên liệu mía, tập trung đầu tư vào vùng nguyên liệu trọng điểm, ban hành các chính sách, tăng giá mía khuyến khích trồng mới.

Đẩy mạnh sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh đảm bảo chất lượng với số lượng duy trì từ 3.000 - 4000 tấn/ năm để cung ứng cho vùng nguyên liệu mía, từng bước phát triển thêm các loại phân bón hữu cơ vi sinh phù hợp với các loại cây trồng khác nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ góp phần tạo công ăn việc làm cho người lao động trong khu vực và công nhân nhà máy đường sau vụ có công việc ổn định đồng thời góp phần vào lợi nhuận chung của công ty .

## **6. Các rủi ro :**

Niên vụ 2024-2025 dự báo sẽ là một năm có nhiều thách thức với ngành đường Việt Nam. Tính đến tháng 07/2024, khoảng 60% lượng đường sản xuất vụ 23-24 vẫn đang tồn kho. Tổng nguồn cung đường bao gồm đường sản xuất và đường nhập khẩu đang vượt so với

nhu cầu tiêu dùng trong nước. Đặc biệt, đường nhập lậu giá rẻ ngày một nhiều gây nhiễu loạn thị trường, gây sức ép đến các nhà máy đường sản xuất trong nước

Những yếu tố bất lợi trên tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng.

## 7. Cơ hội:

Giá đường trong nước tiếp tục giữ ở mức cao và thấp hơn so với giá đường của các quốc gia trồng mía trong khu vực (Indonesia, Philippine và Trung Quốc) khi các quyết định về thực hiện phòng vệ thương mại đường còn hiệu lực.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

#### • Kết quả hoạt động kinh doanh từ tháng 7/2023 đến hết tháng 6/2024:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2022 (từ T7/22 đến hết T6/23)	Năm 2023 (từ T7/2023 đến hết T6/2024)		So sánh (%) số TH năm 2023 với:	
				Số kế hoạch	Số thực hiện	KH năm 2023	TH năm 2022
1	Sản lượng mía nguyên liệu	tấn	131.884	130.000	122.522	94,2%	92,9%
2	Sản lượng đường sản xuất	tấn	13.708	13.684	13.104	95,8%	95,6%
3	Doanh thu thuần	tr.đồng	297.313	252.482	243.679	96,5%	82,0%
4	Lợi nhuận sau thuế	tr.đồng	56.924	28.143	52.833	187,7%	92,8%
5	Nộp ngân sách Nhà nước	tr.đồng	24.769	11.500	13.408	116,6%	54,1%
6	Vốn điều lệ	tr.đồng	52.918	52.918	52.918	100,0%	100,0%
7	Vốn chủ sở hữu	tr.đồng	214.223	214.223	246.954	115,3%	115,3%

#### • Thành tích đạt được :

Vụ ép 2023-2024 các chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế và Nộp ngân sách Nhà nước vượt mức kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, chỉ tiêu doanh thu thuần không đạt kế hoạch do thiếu sản lượng mía nguyên liệu không đạt kế hoạch dẫn đến sản lượng đường không đạt kế hoạch

Công ty tổ chức tốt sản xuất; thu mua hết mía nguyên liệu cho các nông hộ, thanh toán tiền mía cho các nông hộ qua tài khoản ngân hàng (tỷ lệ thanh toán qua tài khoản đạt trên 98,46%). Tổng sản lượng mía đã thu mua là 122,522 tấn.

Duy trì công suất ép bình quân đạt trên 1.600 tấn mía ngày, thời gian sản xuất vụ 2023-2024 đúng kế hoạch.

▪ **Tồn tại hạn chế của vụ sản xuất 2023-2024:**

- Tình trạng tư thương tranh mua mía trong vùng nguyên liệu để xuất khẩu ngày càng nhiều, ước tính sản lượng mía bị tranh mua khoảng 20.000 tấn
- Vùng nguyên liệu bị thu hẹp, diện tích trồng mới không đạt kế hoạch tuy giá thu mua đã lên mức cao nhất từ trước đến nay.
- Tỷ lệ áp dụng cơ giới hóa trong khâu trồng, chăm sóc mía còn thấp.
- Giá thu mua sản, thuốc lá tăng cao cạnh tranh với diện tích trồng mía
- Nguồn lao động trẻ ở vùng nông thôn ngày càng ít, thiếu nhân lực cho sản xuất mía nguyên liệu.
- Hiệu quả sản xuất đạt thấp, tổng thu hồi dây chuyên, tỷ lệ mía/đường không đạt theo kế hoạch.
- Giá bán đường tại nhà máy thấp hơn các nhà máy khác trong khu vực

**\* Nguyên nhân:**

- Nhiều hộ dân trồng mía nhưng không thống kê diện tích, hoặc công khai một phần diện tích với mục đích, dành một phần diện tích mía bán cho tư thương.
- Điều kiện kinh tế địa phương khó khăn, đất trồng manh mún, trồng hộ cá thể nên việc đầu tư và cơ giới hóa còn nhiều hạn chế. Các nông hộ thiếu nhân lực cho SX mía, do lực lượng lao động trẻ đi lao động tại các khu công nghiệp.
- Thiết bị dây chuyên sử dụng lâu năm, hết khấu hao, hiệu quả hoạt động không cao. Sảy ra nhiều sự cố trong quá trình sản xuất như hệ thống máy ép, máy ly tâm .. Trình độ, kỹ năng của công nhân ở một số cương vị chưa cao.
- Do chất lượng sản phẩm chưa so kịp các nhà máy khác, điều kiện về vận chuyển xa nên chi phí vận chuyển cao hơn tạo nên sự chênh lệch giá bán so với mặt bằng chung.

**2. Tổ chức nhân sự .**

Năm 2023 không có sự thay đổi thành viên trong Ban điều hành.

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị:**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ bãi nhiệm
1. Ông Nông Văn Thuyết	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 01/04/2021
2. Ông Nông Văn Lạc	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 01/04/2021; từ ngày 01/04/2021 là TV HĐQT
3. Ông Ma Trung Lập	Phó chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm lại ngày 30/10/2020
5. Ông Nông Văn Sơn	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30/10/2020
6. Bà Mã Thị Quyết	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm lại ngày 30/10/2020

**Ban kiểm soát:**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1. Bà Hoàng Thị Quyết	Trưởng Ban	Bổ nhiệm lại ngày 30/10/2020
2. Ông Trương Minh Đức	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 30/10/2020
3. Ông Đinh Bế Đính	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 30/10/2020

**Ban điều hành:**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ bãi nhiệm
2. Ông Ma Trung Lập	Tổng giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/08/2020
3. Ông Nông Thị Nậu	Phó tổng giám đốc	Tái bổ nhiệm từ ngày 01/08/2020
4. Ông Nông Văn Sơn	Phó tổng giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 05/04/2022
5. Bà Mã Thị Quyết	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm từ ngày 22/05/2006

**Tóm tắt lý lịch cá nhân của các thành viên HĐQT, BKS và ban điều hành:**

**2.1. Thành viên Hội đồng quản trị:**

**2.1.1. Ông Nông Văn Thuyết – Thành viên HĐQT; Chủ tịch HĐQT từ 01/04/2021**

Họ và tên	NÔNG VĂN THUYẾT
Số CMTND	080528076 cấp ngày 12/04/2012 tại CA Cao Bằng
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	20/ 07/ 1984
Nơi sinh	Xã Chí Viễn, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng
Quốc tịch	Việt nam
Dân tộc	Tày
Quê quán	Xã Chí Viễn, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ thường trú	Thị trấn Tà Lùng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng
Điện thoại liên lạc ở cơ quan	026 3824150
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân cơ giới hóa lâm nghiệp
Quá trình công tác	
09/2009 → 11/2019	Cán bộ Phòng Kỹ thuật, Công ty CP Mía đường Cao Bằng
12/2019 → 07/2020	Trưởng phòng kỹ thuật, Công ty CP Mía đường Cao Bằng
08/2020 → 03/2021	Phó Tổng giám đốc phụ trách kỹ thuật, Công ty CP Mía đường Cao Bằng



04/2021 → nay	Chủ tịch HĐQT, Công ty CP Mía đường Cao Bằng.
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Chủ tịch HĐQT
Chức vụ công tác hiện nay tại TC khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	5,4% vốn điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	0,18% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

**2.1.2 Ông Nông Văn Lạc - Chủ tịch HĐQT đến 31/03/2021; là thành viên HĐQT từ ngày 01/04/2021.**

Họ và tên	NÔNG VĂN LẠC
Số CMTND	080385530 cấp ngày 25/12/2012 tại công an Cao Bằng
Giới tính	nam
Ngày tháng năm sinh	22/02/1961
Nơi sinh	Xã Chí Viễn, Huyện Trùng Khánh, Tỉnh Cao Bằng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Tày
Quê quán	Xã Chí Viễn, Huyện Trùng Khánh, Tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ thường trú	Phường Hợp Giang, Thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng
Điện thoại liên lạc ở cơ quan	026 3 824160
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế. Cao cấp lý luận chính trị
Quá trình công tác	
04/1985 → 11/1985	Nhân viên kế toán Sở Thương nghiệp Cao Bằng
12/1985 → 09/1987	Nhân viên kế toán tổng hợp Công ty thực phẩm nông sản Cao Bằng
10/1987 → 03/1993	Phó phòng kế toán Công ty thương nghiệp tổng hợp Cao Bằng
04/1994 → 08/1996	Phó giám đốc Công ty thương nghiệp tổng hợp Cao Bằng
09/1996 → 09/2000	Trưởng phòng kế toán Công ty mía đường Cao Bằng
10/2000 → 08/2004	Phó giám đốc công ty mía đường Cao Bằng

09/2004 → 12/2005	Giám đốc công ty mía đường Cao Bằng
01/2006 → 06/2011	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc công ty CP mía đường Cao Bằng
07/2011 → 07/2020	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng GD công ty CP mía đường Cao Bằng
08/2020 → 03/2021	Chủ tịch HĐQT Công ty CP mía đường Cao Bằng
04/2021 → nay	Thành viên HĐQT Công ty CP mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Thành viên HĐQT.
Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	0,76% vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	47,31 % vốn điều lệ.
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

### 2.1.3 Ông Ma Trung Lập – Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

Họ và tên	MA TRUNG LẬP
Số CMTND	080425042 cấp ngày 19/06/2012 ; nơi cấp: Công an Cao Bằng
Giới tính	nam
Ngày tháng năm sinh	02/06/1964
Nơi sinh	TT.Hòa Thuận, H. Quảng Hòa, T. Cao Bằng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Tày
Quê quán	TT.Hòa Thuận, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ thường trú	Tổ dân phố 8, TT.Hòa Thuận, H.Quảng Hòa, T.Cao Bằng
Điện thoại liên lạc ở Cơ quan	026 3824106
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân cơ điện
Quá trình công tác	
05/1995 → 02/1996	Cán bộ kỹ thuật Nhà máy xi măng Cao Bằng

03/1996 → 07/1997	Phó quản đốc PX nhà máy xi măng Cao Bằng
08/1997 → 12/1997	Cán bộ kỹ thuật Công ty mía đường Cao Bằng
01/1998 → 03/1998	Phó quản đốc PX cán thép công ty mía đường Cao Bằng
04/1998 → 10/2000	Quyền QĐ PX sửa chữa cơ điện công ty mía đường Cao Bằng
11/2000 → 07/2003	Phó phòng kỹ thuật công ty mía đường Cao Bằng
08/2003 → 10/2004	Trưởng phòng kỹ thuật công ty mía đường Cao Bằng
11/2004 → 12/2005	Phó giám đốc Công ty Mía đường Cao Bằng
01/2006 → 06/2011	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó giám đốc công ty CP Mía đường Cao Bằng
07/2011 → 07/2020	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc công ty CP mía đường Cao Bằng
08/2020 → nay	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc công ty CP mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc công ty CP mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện tại tại tổ chức khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	0,3% Vốn Điều lệ
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

#### 2.1.4 Bà Mã Thị Quyết - Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

Họ và tên	MÃ THỊ QUYẾT
Số CMTND	080358911 cấp ngày 20/07/2009 tại CA Cao Bằng
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	01/ 10/ 1973
Nơi sinh	Xã Hoàng Tung, Huyện Hòa An, Tỉnh Cao Bằng

Quốc tịch	Việt nam
Dân tộc	Tày
Quê quán	Xã Hoàng Tung, Huyện Hòa An, Tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ thường trú	Thị trấn Tà Lùng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng
Điện thoại liên lạc ở cơ quan	026 3 824130
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân tài chính kế toán
<b>Quá trình công tác</b>	
12/1997 → 03/1998	NV kế toán công ty mía đường Cao Bằng
04/1998 → 10/2000	Phó phòng kế toán công ty mía đường Cao Bằng
11/2000 → 12/2002	Quyền TP kế toán công ty mía đường Cao Bằng
01/2003 → 09/2006	TP kế toán công ty mía đường Cao Bằng
10/2006 → nay	Kế toán trưởng công ty CP mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng công ty
Chức vụ công tác hiện nay tại TC khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	1,46% Vốn Điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	0,07% vốn điều lệ.
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

#### **2.1.5. Ông Nông Văn Sơn – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc từ 05/04/2022**

Họ và tên	NÔNG VĂN SƠN
Số CMTND	004096000011; ngày cấp 19/12/2018; nơi cấp: Công an TP Hà Nội
Giới tính	nam
Ngày tháng năm sinh	24/10/1996.
Nơi sinh	Bệnh viện đa khoa tỉnh Cao Bằng
Quốc tịch	Việt nam

Dân tộc	Tày
Quê quán	Xã Chí Viễn, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ thường trú	Tổ 9, P. Hợp Giang, Thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng
Điện thoại liên lạc ở cơ quan	0206 3 824174
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán
<b>Quá trình công tác</b>	
12/2018 → 12/2020	Trợ lý kiểm toán tại Công ty TNHH TV thuế, kế toán và kiểm toán AVINA - IAFC
01/2021 → 04/2022	Nhân viên Phòng Kế hoạch kinh doanh, Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng.
04/2022→ nay	Thành viên hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Thành viên hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	45,97 % vốn điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	1,34 % vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

## 2.2. Thành viên ban kiểm soát:

### 2.2.1 Bà Hoàng Thị Quyết - Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên	HOÀNG THỊ QUYẾT
Số CMTND	080389349 cấp ngày 10/04/2012 tại CA tỉnh Cao Bằng
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	01/ 10/ 1974

Nơi sinh	Xã Nam Tuấn, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng
Quốc tịch	Việt nam
Dân tộc	Tày
Quê quán	Xã Nam Tuấn, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ thường trú	TT Tà Lùng. huyện Quảng Hòa. Tỉnh Cao Bằng
Điện thoại liên lạc ở cơ quan	026 3824106
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán
Quá trình công tác	
06/1996 → 12/1996	Nhân viên công ty Thương nghiệp tổng hợp Cao Bằng
01/1997 → 05/2006	Nhân viên công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
06/2006 → 10/2015	Phó phòng Tài chính kế toán công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
11/2015 → nay	Trưởng ban kiểm soát công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Trưởng Ban kiểm soát công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	0,05% vốn điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	0,03% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

### 2.2.2. Ông Trương Minh Đức – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	TRƯƠNG MINH ĐỨC
Số CMTND	080468357 cấp ngày 01/07/2009 nơi cấp CA Cao Bằng
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	12/ 02/ 1978
Nơi sinh	Xã Vân Sơn, huyện Thiệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Tày

Quê quán	Xã Vân Sơn, huyện Thiệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú	Phường Sông Bằng, Thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng
Điện thoại liên lạc ở cơ quan	026 3824106
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư điện tự động hóa công nghiệp
Quá trình công tác	
11/1999 – 12/2000	Công nhân vận hành Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
01/2001 – 10/2011	Công nhân sửa chữa điện Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
11/2011 – 10/2013	Kỹ thuật viên xưởng Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
11/2013 – 09/2014	Nhân viên phòng kỹ thuật Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
10/2014 – đến nay	Quản đốc phân xưởng Động Lực công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Thành viên BKS Công ty CP Mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	0% vốn điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

### 2.2.3. Ông Đinh Bé Đính – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	ĐINH BÉ ĐÍNH
Số CMTND	080375579 cấp ngày 03/08/2011 tại CA Cao Bằng
Giới tính	nam
Ngày tháng năm sinh	14/ 11/ 1982
Nơi sinh	Xã Mỹ Hưng, H. Quảng Hòa, T. Cao Bằng
Quốc tịch	Việt nam
Dân tộc	Tày
Quê quán	Xã Mỹ Hưng, H. Quảng Hòa, T. Cao Bằng
Địa chỉ thường trú	Xã Mỹ Hưng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng

Điện thoại liên lạc ở Cơ quan	026 3824106
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ điện
Quá trình công tác	
08/2007 – 09/2011	Cán bộ kỹ thuật + Phó quản đốc Xưởng Đường công ty CP mía đường Cao Bằng
10/2011 – đến nay	Quản đốc PX Cán Ép công ty CP mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Thành viên BKS công ty CP mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	0,007% vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	0 % Vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

### 2.3. Thành viên ban Tổng Giám đốc

2.3.1. Ông Nông Văn Thuyết (Sơ yếu lý lịch trình bày tại mục 2.1.1 - Hội đồng quản trị)

2.3.2. Ông Ma Trung Lập (Sơ yếu lý lịch trình bày tại mục 2.1.3 - Hội đồng quản trị)

2.3.3. Ông Nông Văn Sơn Sơ yếu lý lịch trình bày tại mục 2.1.5 - Hội đồng quản trị)

#### 2.3.4. Bà Nông Thị Nậu – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên	NÔNG THỊ NẬU
Số CMTND	085088020 cấp ngày 09/06/2011 tại CA Cao Bằng
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	22/ 12/ 1968
Nơi sinh	X. Hồng Định, H.Quảng Hòa, T. Cao Bằng
Quốc tịch	Việt Nam



Dân tộc	Tày
Quê quán	Xã Hồng Định, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ thường trú	Xã Hồng Định, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng
Điện thoại liên lạc ở Cơ quan	026 3824487
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư nông nghiệp
Quá trình công tác	
10/1997 – 12/1997	Công nhân công nghệ đường công ty mía đường Cao Bằng
01/1998 – 10/1998	Phó Quản đốc PX cán ép công ty mía đường Cao Bằng
11/1998 – 12/2000	Quyền QĐ PX cán ép công ty mía đường Cao Bằng
01/2001 – 07/2003	Quản đốc PX cán ép công ty mía đường Cao Bằng
08/2003 – 11/2010	Trưởng phòng nguyên liệu mía công ty CP mía đường Cao Bằng
12/2010 – 06/2011	Thành viên HĐQT kiêm Phó giám đốc công ty CP mía đường Cao Bằng
07/2011 – 10/2015	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc công ty CP mía đường Cao Bằng
11/2015 - đến nay	Phó tổng giám đốc Công ty CP mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Phó Tổng giám đốc phụ trách vùng nguyên liệu mía
Chức vụ công tác hiện nay tại TC khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	chiếm 0,28 % vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	0 % vốn điều lệ.
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

#### 2.4. Kế toán trưởng: Bà Mã Thị Quyết – Kế toán trưởng

(Số yếu lý lịch của kế toán trưởng đã được trình bày tại mục 2.1.4 - Hội đồng Quản trị)

## 2.5. Cơ cấu lao động của Công ty:

### Cơ cấu lao động ngày 30/06/2024

STT	Trình độ	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Đại học trở lên	27	9,51
2	Cao đẳng, trung cấp	246	86,62
3	Công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông	11	3,87
<b>Tổng cộng</b>		<b>284</b>	<b>100</b>

### Thu nhập của người lao động

	Niên độ 2021 - 2022	Niên độ 2022 - 2023	Niên độ 2023 - 2024
Mức lương bình quân	6.300.000 đồng/người/tháng	7.740.000 đồng/người/tháng	7.891.000 đồng/người/tháng

## 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

Dây truyền sản xuất chế biến đường được bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên, trong năm chi phí đầu tư nâng cấp sửa chữa thiết bị là 10 tỷ đồng.

## 4. Tình hình tài chính:

### a> Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022 (từ T7/2022 -> hết T6/2023)	Năm 2023 (từ T7/2023 -> hết T6/2024)	% tăng, giảm
1	Tổng giá trị tài sản	Tr. đồng	241.015	270.061	(+) 12,1
2	Doanh thu thuần	Tr. đồng	297.313	243.679	(-) 18
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tr. đồng	56.924	53.730	(-) 5,6
4	Lợi nhuận khác	Tr. đồng	280	108	(-) 71,4
5	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tr. đồng	57.204	53.838	(-) 5,9
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr. đồng	54.978	52.833	(-) 3,9
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	25	30	(+) 20

### b> Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2022 (từ T7/2022 -> hết T6/2023)	Năm 2023 (từ T7/2023 -> hết T6/2024)	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	6.87 lần	9,43 lần	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	5.61 lần	6,9 lần	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	11,11 %	8,56%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	12,51 %	9,36%	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	3,2 vòng	3,75 vòng	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	123,36 %	90,23%	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	18,49%	21,68%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	25,66%	21,39%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	22,81%	19,56%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	19,15%	22,05%	

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu .

### a> Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 5,291,868 cổ phần
- Loại CP đang lưu hành: Cổ phần phổ thông
- Số lượng CP chuyển nhượng tự do: 5,291,868 cổ phần
- Số lượng CP bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: Không

### b> Cơ cấu cổ đông (Danh sách cổ đông có đến 30/08/2024):

Tổng số cổ đông: 645 Cổ đông, số CP: 5.291.868, tỷ lệ sở hữu 100%, trong đó:

- Cổ đông lớn: 02 Cổ đông, trong đó:

+ Cổ đông lớn là cá nhân: Ông Nông Văn Sơn, số cổ phần nắm giữ là 2.432.928 CP, tỷ lệ sở hữu 45,97%.

Ông Nông Văn Thuyết, số cổ phần nắm giữ là 285.874 CP, tỷ lệ sở hữu 5,40%

+ Cổ đông lớn là tổ chức: Không có

- Cổ đông nhỏ: 643 cổ đông, số cổ phần nắm giữ: 2.573.066 CP, chiếm tỷ lệ sở hữu: 48,63%, trong đó:

+ Cổ đông tổ chức: 02 cổ đông, số cổ phần nắm giữ: 334.450 CP chiếm tỷ lệ: 6,32%

+ Cổ đông cá nhân: 643 cổ đông, số cổ phần nắm giữ: 4.957.418 CP, chiếm tỷ lệ sở hữu: 93,68%,

- Cổ đông trong nước: chiếm tỷ lệ sở hữu 100%.

- Cổ đông nước ngoài: Không có.

**c> Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (vốn điều lệ):**

Thời điểm góp vốn	Nội dung tăng vốn điều lệ	Vốn điều lệ (đồng)
Năm 2006	Vốn góp của cổ đông sáng lập	3.638.960.000
Năm 2012	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu	11.644.600.000
Năm 2015	Phát hành cổ phiếu chào bán cho người lao động và nhà đầu tư riêng lẻ	2.716.440.000
Năm 2017	Phát hành cổ phiếu để trả cổ phiếu thưởng và chia cổ tức cho cổ đông hiện hữu	7.200.000.000
Năm 2018	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu	10.079.250.000
Năm 2023	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu	17.639.430.000
	<b>Cộng</b>	<b>52.918.680.000</b>

d> Giao dịch cổ phiếu quỹ: không

e> Các chứng khoán khác: Không

**8. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty .**

**6.1. Tác động lên môi trường:**

Công ty có hệ thống bể xử lý nước thải, hệ thống thiết bị quan trắc tự động, đảm bảo nước thải sản xuất thải ra môi trường đạt các chỉ tiêu theo quy định.

## **6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

### **a) Tiêu thụ nguyên liệu:**

Nguyên liệu chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Mía đường Cao Bằng là cây mía. Khối lượng mía đưa vào sản xuất trong trong niên độ 2023 – 2024 là 122.522 tấn. Sau khi tiến hành sản xuất đường thì các phế phẩm được thu hồi và xử lý như sau:

- Đối với bã mía: Được sử dụng làm nhiên liệu đốt cho lò hơi để cung cấp nhiệt cho dây truyền SX chế biến đường.
- Đối với bã bùn: Được bán trực tiếp cho người dân sử dụng cho trồng mía và các loại hoa màu khác.
- Mật rỉ: Được thu vào bồn chứa và bán cho cơ sở sản xuất cồn.

### **b) Tiêu thụ nhiên liệu, năng lượng:**

Trong dây truyền sản xuất mía đường, nguồn nhiên liệu chính mà Công ty sử dụng là bã mía làm nguyên liệu đốt cho lò hơi để cung cấp nhiệt cho chạy tuabin phát điện và cung cấp nhiệt cho nấu đường.

### **c) Tiêu thụ nước:**

Nguồn nước công ty sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh được sử dụng trực tiếp từ nước sông (nước mặt).

Lượng nước thải của Công ty sau quá trình sản xuất được thu gom, xử lý và xả thải đúng quy định, đảm bảo không gây các tác động xấu đến môi trường xung quanh.

### **c) Chính sách đối với người lao động**

- Chính sách tuyển dụng và đào tạo:
  - Xây dựng kế hoạch đào tạo và đào tạo lại, tuyển dụng lao động căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty;
  - Bồi dưỡng đội ngũ quản lý có năng lực, trình độ chuyên môn;
  - Sắp xếp, tinh giản lại nhân sự các phòng ban theo hướng gọn nhẹ;
  - Thu hút nguồn nhân lực có năng lực, kinh nghiệm và phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Chính sách lương thưởng – phúc lợi
  - Xây dựng chế độ Tiền lương, thưởng và phụ cấp cho cán bộ nhân viên một cách rõ ràng, minh bạch. Tiền lương bình quân của người lao động trong năm là 7.891.000 đồng/ người/ tháng.

- Thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Lao động, Luật Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm thất nghiệp và các quy định của Nhà nước liên quan đến chế độ và quyền lợi của người lao động. 100% người lao động của công ty được đóng đầy đủ BHXH.
- Thương xuyên quan tâm đến đời sống như tinh thần của cán bộ nhân viên bằng các hoạt động đoàn thể, thăm quan – du lịch hay thể dục – thể thao, ...

#### d) Tuân thủ pháp luật về môi trường

Công ty luôn chủ động nắm bắt và cập nhật các quy định của pháp luật về môi trường. Trong quá trình hoạt động sản xuất, Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng luôn đảm bảo tuân thủ tốt các quy định về môi trường. Trong năm Công ty không bị xử phạt do không tuân thủ quy định về môi trường của Cơ quan quản lý Nhà nước.

#### e) Trách nhiệm đối với cộng đồng – xã hội

Từ khi thành lập đến nay, Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng luôn ý thức việc phát triển doanh nghiệp gắn liền với trách nhiệm đối với cộng đồng - xã hội.

Bên cạnh việc tuân thủ nghĩa vụ về Thuế đối với nhà nước, Công ty có những hoạt động thiện nguyện như: Ủng hộ các quỹ từ thiện của địa phương; Tham gia phong trào đền ơn đáp nghĩa; Làm nhà tình nghĩa...

### III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

#### 1. Kết quả sản xuất kinh doanh:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH vụ 2023-2024	TH vụ 2023- 2024	Tỉ lệ %
1	<b>Diện tích vùng nguyên liệu</b>		2.250	1.960	87,11
	<i>Trong đó diện tích trồng mới</i>		1.100	965	87,73
2	<b>Tổng sản lượng mía sạch đưa vào sản xuất</b>	Tấn	130.000	122.522	94,25
3	<b>Tỷ lệ mía/đường</b>	M/Đ	9.5	9.35	98,43
4	<b>Sản lượng Đường nhập kho</b>	tấn	<b>13.684</b>	<b>13.104</b>	<b>95,7</b>
	<i>Trong đó : SL đường trắng</i>	tấn	13.684	13.104	95,7
	<i>SL đường vàng</i>	tấn	0	0	
5	<b>Sản lượng đường tiêu thụ</b>	tấn	<b>13.631</b>	<b>11.790</b>	<b>86,5</b>
	<i>Trong đó : SL đường trắng bao</i>	tấn	12.031	10.694	
	<i>SL đường trắng túi</i>	tấn	1.600	1.096	
	<i>SL đường vàng bao</i>	tấn			
	<i>SL đường vàng túi</i>	tấn			
6	<b>Sản lượng mật rỉ tiêu thụ</b>	tấn	<b>5.200</b>	<b>4.167</b>	<b>80,14</b>
7	<b>SL bã bùn- tro lò TT</b>	tấn	<b>3.250</b>	<b>4.609</b>	<b>141</b>
8	<b>Tổng doanh thu :</b>	tr.đ	<b>252.482</b>	<b>243.699</b>	<b>115,6</b>

	<i>Doanh thu đường ( Giá bán bình quân chưa VAT )</i>	<i>Tr.đ đ/kg</i>	239.333 17.558	232.281 19.700	
	<i>Doanh thu Mật rỉ</i>	<i>tr.đ</i>	12.376	10.320	
	<i>DT bã bùn – tro lò</i>	<i>Tr.đ</i>	773,5	1.097,5	141,89
<b>9</b>	<b>Tổng số lao động trong vụ ép</b>	người	306	306	100
<b>10</b>	<b>Thu nhập BQ lao động</b>	tr.đ	6.500	7.891	121,4
<b>11</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế TNDN</b>	tr.đ	28.143	53.838	191,3
<b>12</b>	<b>Nộp NSNN</b>	tr.đ	11.500	13.648	118,6

Hoạt động kinh doanh vụ 2023-2024 diễn ra thuận lợi. Giá đường trong nước có sự chuyển biến tích cực, nhờ đó kết quả kinh doanh vụ 2023-2024 của Công ty Cổ phần mía đường Cao Bằng đạt được những thành quả nhất định.

Tuy nhiên doanh thu bán đường không đạt kế hoạch, sản lượng đường sản xuất không đạt kế hoạch vì tư thương tranh mua xuất khẩu mía sang Trung Quốc

Lợi nhuận trước thuế đạt 191 % so với kế hoạch.

Nộp ngân sách nhà nước đạt 118,6 % so với kế hoạch

## **2.Kết quả sản xuất mía nguyên liệu:**

### **2.1. Diện tích sản lượng.**

- Vùng nguyên liệu của Công ty chủ yếu thuộc huyện Quảng Hòa, ngoài ra còn có một phần nhỏ thuộc huyện Thạch An và Trùng Khánh.

Tổng diện tích mía đứng vụ ép 2023-2024 là : 2.250 ha.

Tổng số hộ dân trồng mía và đã ký hợp đồng thu mua với nhà máy là 3.959 hộ

Năng suất : 61 tấn/ ha

Tổng sản lượng: Mía ép đưa vào sản xuất vụ 2023-2024 là : 122.522 tấn.

Mía để giống cho vụ 2023-2024 : 2.834 tấn

Tổng diện tích mía vụ 2023-2024 là: 1.960 ha giảm 87 % so với kế hoạch ( KH: 2.250 ha)

### **2.2. Thu mua, đón chặt, vận chuyển.**

- Vụ ép 2023-2024 Công ty thu mua hết số mía đã ký hợp đồng với các hộ nông dân vùng nguyên liệu.

- Giá mua mía bình quân cả vụ: 1.287,9 đồng/kg

- Tiền mía được thanh toán kịp thời, chính xác.

- Công tác đôn chặt, vận chuyển hợp lý, chủ động đáp ứng theo kế hoạch sản xuất của dây chuyền, tỷ lệ mía cũ, đầu đen, đầu đỏ ít.

### **2.3. Đầu tư, thu hồi công nợ vùng nguyên liệu.**

- Niên vụ 2023-2024 Công ty vẫn duy trì chính sách đầu tư, khuyến khích đối với các hộ nông dân trồng mía như: cho vay phân bón, thuốc trừ cỏ, mía giống không tính lãi, trợ giá mía giống đối với diện tích trồng mới.

- Thu hồi công nợ vụ 2023-2024 đạt 99,81%

- Tổng số tiền đầu tư cho vụ 2023-2024 : 11.657,2 triệu đồng

### **3. Kết quả sản xuất chế biến đường:**

- Vụ sản xuất 2023-2024 bắt đầu từ ngày 02/12/2023 và kết thúc ngày 05/03/2024. Trong quá trình sản xuất hầu hết các công đoạn trên dây chuyền đã hoàn thành nhiệm vụ. Dây chuyền sản xuất ổn định, kiểm soát tương đối tốt các chỉ tiêu, ban ĐHSX và trưởng các bộ phận sản xuất đã linh động điều chỉnh công suất và các chỉ tiêu kỹ thuật dây chuyền để hạn chế tối đa tổn thất. Tuy nhiên trong vụ dây chuyền mất cân bằng phải dừng ép nhiều lần dẫn đến năng suất ép thực tế không đạt kế hoạch, hiệu suất thu hồi không được tối ưu. Nguyên nhân là do thiết bị dây chuyền đã cũ và xuống cấp, hệ thống bốc hơi của dây chuyền gặp nhiều trục trặc. Cụ thể theo bảng số liệu sau:

**Bảng chỉ tiêu kết quả sản xuất.**

TT	Các chỉ tiêu chính	Đơn vị	Vụ 2023 - 2024		
			KH	TH	% (TH/KH)
1	2	3	5	6	7 = 6/5
1	Năng suất ép thực tế	t/ngày	1.600	1.588	99,25
2	Hiệu suất tổng thu hồi	%	84,26	82,06	98,28
3	Trữ đường bình quân (CCS)		11	11,34	103,09
4	Sản lượng đường	tấn	13.684	13.104	95,76
5	An toàn thiết bị	%	98,5	97,61	99,09

### **4. Kết quả thực hiện các mặt công tác khác:**

#### **4.1. Về công tác lao động tiền lương.**

- Công tác tổ chức lao động niên vụ 2023-2024 : Công ty đã sắp xếp lao động hợp lý để ổn định công tác tổ chức, đáp ứng được chất lượng công việc nhằm nâng cao thu nhập cho người lao động, giảm chi phí sản xuất kinh doanh . Định biên lao động vụ 2023-2024 là 306 người giảm 2 người so với vụ trước. Tiền lương bình quân của người lao động là 7.891.000



đồng/người/tháng. Nộp đầy đủ các khoản bảo hiểm đảm bảo quyền lợi cho CBCNV người lao động. Ngoài ra công ty còn chi trả thêm tiền thưởng, tiền lương tháng 13, tiền đồng phục, tiền thâm niên trong vụ ép; hỗ trợ tiền điện thoại, tiền ăn ca....

#### **4.2. Công tác an ninh trật tự, an toàn lao động.**

- Đảm bảo an toàn an ninh trật tự trong công ty.
- CBCNV người lao động và khách hàng thực hiện tốt Nội quy, Quy định của công ty.
- Công tác an toàn lao động trong toàn Công ty được duy trì và thực hiện tốt, vụ ép 2023-2024 không xảy ra tai nạn lao động.

#### **4.3. Công tác duy trì Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015.**

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 được duy trì thường xuyên.

### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **1. Về các mặt hoạt động của công ty.**

- Các thành viên HĐQT có tinh thần trách nhiệm với công việc được giao, có trách nhiệm với cổ đông, có nhiều đổi mới mang lại hiệu quả cao trong công tác quản lý, điều hành góp phần tạo nên sự ổn định trong công ty. Chỉ đạo Ban điều hành triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ SX chế biến vụ 2023 - 2024, việc làm, từng bước nâng cao thu nhập cho người lao động, phát huy vai trò làm chủ của các cổ đông và người lao động, duy trì được kỷ cương của doanh nghiệp.

- Chỉ đạo xây dựng, bổ sung các nội qui, qui chế sát với yêu cầu thực tế đã phát huy được tác dụng tốt trong quản lý điều hành, nâng cao ý thức làm chủ của người lao động . Trong vụ sản xuất 2023 - 2024 công ty đã không xảy ra các tệ nạn xã hội, các công tác an ninh, an toàn VSTP, ATLĐ và PCCN đều được đảm bảo tốt . Nội bộ trong HĐQT đoàn kết và thống nhất cao trong hoạch định phát triển của Công ty .

- Chỉ đạo Ban điều hành, xây dựng quy chế và đề ra các chính sách kinh tế theo hướng tích cực để phát triển vùng nguyên liệu mía trên diện tích đã được quy hoạch, đáp ứng phù hợp lộ trình mở rộng công suất nhà máy .

#### **2. Về hoạt động của Ban Tổng giám đốc**

- Hội đồng quản trị tập trung bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh vụ sản xuất 2023-2024, tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo Ban điều hành Công ty ứng phó với những biến động bất thường tình hình kinh tế trong nước trước ảnh hưởng suy thoái kinh tế toàn cầu, hạn chế tối đa những tác động tiêu cực tới các mặt hoạt động công ty, kịp thời điều chỉnh để thích ứng xu thế mới, duy trì ổn định các mặt hoạt động đưa công ty vượt qua những khó khăn thách thức... để mang lại hiệu quả cao .

- Trong năm tổ chức các kỳ họp HĐQT theo định kỳ và lấy ý kiến thông qua phiếu biểu quyết; đã ban hành nhiều Nghị quyết, Quyết định xoay quanh các lĩnh vực như : Thông qua mục tiêu, kế hoạch kinh doanh năm vụ 2024 - 2025, Đầu tư địa bàn vùng nguyên liệu mía, Phê duyệt các hạng mục đầu tư nâng cấp dây truyền sản xuất cùng nhiều nội dung liên quan khác,...

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 vào ngày 18/10/2023, thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính đã được kiểm toán, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch phân phối lợi nhuận NĐTTC 2022-2023 và quyết định một số vấn đề quan trọng khác.

- Hội đồng quản trị luôn quan tâm hàng đầu vấn đề phát triển vùng nguyên liệu mía; chỉ đạo hoàn thành dự án đầu tư nâng công suất dây truyền sản xuất chế biến đường theo đúng kế hoạch đề ra. Vụ ép 2023-2024 đạt được: Diện tích mía là 2.250 ha; sản lượng mía nguyên liệu 122.522 tấn; công suất ép bình quân đạt 1.526 tấn mía/ ngày.

### **3. Kế hoạch của Hội đồng quản trị :**

Nền kinh tế-xã hội của nước ta tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức trước những biến động toàn cầu về lạm phát, suy thoái kinh tế, chiến tranh kéo dài, kinh tế thế giới tiềm ẩn yếu tố rủi ro và được dự báo tiếp tục có những biến động khó lường. Ở trong nước giá bán đang duy trì ở mức cao nhưng sản lượng đường của công ty bị thiếu hụt, đây là một thách thức lớn đối với Ban lãnh đạo Công ty trong việc phát triển mở rộng vùng nguyên liệu mía.

Trước tình hình đó Hội đồng quản trị tiếp tục chỉ đạo thực hiện các giải pháp cơ bản sau :

- Ưu tiên mọi nguồn lực để tập trung đầu tư phát triển vùng nguyên liệu mía về mở rộng diện tích, hợp tác sản xuất, cơ cấu giống mía có năng suất và chất lượng cao. Đây là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu với mục tiêu vụ SX đông xuân 2023-2024 diện tích mía phải đạt từ 2.500 ha trở lên, các năm tiếp theo phấn đấu đưa diện tích mía đạt trên 3.000 ha. Năng suất mía bình quân đạt từ 65 tấn/ ha trở lên. Độ đường trong mía (CCS) đạt từ 11 CCS trở lên. Tiếp tục bổ sung chính sách phát triển vùng nguyên liệu mía, giá thu mua mía phù hợp với thị trường nhằm đảm bảo lợi ích hài hòa giữa người trồng mía và Công ty.
- Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt công tác sửa chữa bảo dưỡng dây truyền sản xuất chế biến đường, phát huy tối đa năng lực sản xuất, giảm thiểu sự cố dây truyền đảm bảo việc sản xuất theo đúng kế hoạch, duy trì công suất ép bình quân đạt từ 1.700 tấn mía/ ngày, để việc thu mua mía của người dân đúng thời hạn quy định, giảm tổn thất sau thu hoạch, nâng cao hiệu quả sản xuất.
- Đầu tư, cải tạo hệ thống tuần hoàn nước và xử lý nước thải nhằm tái sử dụng nước, đảm bảo vệ sinh môi trường theo tiêu chuẩn pháp luật hiện hành
- Thực hiện tốt giải pháp về tài chính, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, giảm chi phí sử

dụng vốn. Tiếp tục hoàn thiện Quy chế quản lý tài chính, xây dựng định mức chi phí. Giám sát quá trình thu nợ đầu tư để có vốn tái đầu tư vùng nguyên liệu và hoạt động sản xuất kinh doanh .

- Thực hiện nghiêm túc Quy chế quản trị Công ty theo tinh thần phát huy cao tính tự chủ, năng động sáng tạo và kỷ cương. Phân cấp, phân quyền, bổ sung và điều chỉnh quy chế trách nhiệm của HĐQT, Tổng giám đốc, các phó Tổng giám đốc, các phòng ban đơn vị gắn với trách nhiệm vật chất. Tổ chức thông tin và cập nhật thông tin tình hình phát triển, những khó khăn thuận lợi của Công ty đến các cổ đông.
- Tạo điều kiện thuận lợi và phát huy vai trò của cá nhân và tập thể, đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển, phát huy văn hoá doanh nghiệp, tổ chức và nâng cao các hoạt động văn hoá thể thao du lịch cải thiện đời sống tinh thần cho toàn thể cán bộ công nhân lao động ngày càng gắn bó yêu mến Công ty.
- Xây dựng chính sách bán hàng phù hợp với thị trường, tạo lập kênh phân phối ổn định thông qua ký kết Hợp đồng với các khách hàng truyền thống. Mở rộng thị trường bán lẻ ra các tỉnh lân cận.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

Trong năm 2023 HĐQT không có sự thay đổi về nhân sự.

### Hội đồng quản trị :

#### a. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần có đến 30/6/2024	
		Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
Ông Nông Văn Thuyết	Chủ tịch HĐQT	285.874	5,40%
Ông Ma Trung Lập	Phó chủ tịch/Tổng Giám đốc	16.012	0,30%
Bà Mã Thị Quyết	Thành viên/Kế toán trưởng	77.526	1,46%
Ông Nông Văn Lạc	Thành viên HĐQT	40.000	0,76%
Ông Nông Văn Sơn	Thành viên/Phó Tổng Giám đốc	2.432.928	45,97%

b. Các tiểu ban thuộc hội đồng quản trị: Hiện nay công ty chưa có các tiểu ban thuộc hội đồng quản trị.

#### c. Hoạt động của hội đồng quản trị:

##### Các cuộc họp, nghị quyết của HĐQT trong niên độ 2023 – 2024

STT	Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
-----	------------------------------	------	----------

1	Số 403/NQ - HĐQT	31/07/2023	Sửa đổi quy chế trả lương phòng nguyên liệu, chính sách đầu tư khuyến khích trồng mới vùng nguyên liệu, thông qua các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh 23-24, điều chỉnh tăng mức lương cơ sở vụ sản xuất 23-24, chi lương tháng 13 cho người lao động
2	Số 300/QĐ - HĐQT	03/08/2023	Về việc chi tiền lương tháng 13 cho người lao động
3	Số 414/NQ - HĐQT	24/08/2023	Về việc tổ chức đại hội cổ đông thường niên năm 2023
5	Số 436/QĐ- HĐQT	20/09/2023	Về việc ban hành đơn giá tiền lương và kế hoạch quỹ lương 2023-2024
5	Số 483/QĐ-HĐQT	24/10/2023	Về việc thực hiện phương án chi trả cổ tức niên độ tài chính 2022-2023
6	Số 492/NQ-HĐQT	01/11/2023	Về việc thông qua quy chế trả lương phòng nguyên liệu, kế hoạch xuất khẩu mía sang Trung Quốc, chi thưởng ban điều hành, quản lý công ty
7	Số 500/QĐ-HĐQT	08/11/2023	Về việc vay vốn ngân hàng bổ sung nguồn vốn cho vụ sản xuất 2023-2024
8	Số 572/NQ-HĐQT	19/12/2023	Về việc tăng giá mua mía nguyên liệu tại nhà máy, thay đổi kế hoạch sản xuất đường trắng sau tết âm lịch
9	Số 46b/NQ-HĐQT	26/01/2024	Đầu tư cải tạo mở rộng hệ thống tuần hoàn nước công nghệ và hệ thống xử lý nước thải
10	Số 74/QĐ-HĐQT	22/02/2024	Về việc bổ sung quỹ tiền lương chi cho người lao động tham gia vụ sản xuất 2023-2024
11	Số 94/NQ-HĐQT	12/03/2024	Chi phí đầu tư dự án hệ thống tuần hoàn nước và xử lý nước thải, luân chuyển cán bộ quản lý ở các phòng ban và phân xưởng
12	Số 107/NQ-HĐQT	27/03/2024	Về việc lắp đặt trạm quan trắc nước thải tự động giai đoạn 2, hỗ trợ người lao động không bố trí được việc làm
13	Số 128/NQ-HĐQT	15/04/2024	Đầu tư mua mới 02 thiết bị bốc hơi, 01 thiết bị gia nhiệt kèm van đôi cải tạo dây chuyền sản xuất
14	Số 149/NQ-HĐQT	06/05/2024	Phê duyệt bản vẽ thiết kế- dự toán xây dựng

			công trình cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải
15	Số 150/NQ-HĐQT	06/05/2024	Chỉ định thầu xây lắp hạng mục công trình cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải
16	Số 188/QĐ-HĐQT	19/06/2024	Về việc ban hành Quy chế công bố thông tin của công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
17	Số 594/NQ-HĐQT	30/06/2024	Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ tài chính từ ngày 01/07/2023 đến 30/06/2024

Hoạt động của hội đồng quản trị theo cơ chế tập trung dân chủ tuân thủ pháp luật, điều lệ và các nghị quyết đại hội cổ đông, của hội đồng quản trị. Các thành viên hội đồng quản trị thực hiện chức trách nhiệm vụ theo quy chế hiện hành. Chế độ hội họp của Hội đồng quản trị thực hiện đúng quy định điều lệ và qui chế làm việc, nội dung các cuộc họp chuẩn bị chu đáo, ghi biên bản và ban hành các nghị quyết triển khai đến các cấp điều hành thực hiện.

**d. Hoạt động của thành viên hội đồng quản trị độc lập không tham gia điều hành:**

Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập không tham gia điều hành: Trong năm tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, Giám sát chặt chẽ hoạt động SXKD của Công ty.

**2. Ban kiểm soát:**

**a. Thành viên và cơ cấu của ban kiểm soát:**

*Danh sách Ban kiểm soát công ty:*

Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần có đến 30/6/2024	
		Số cổ phần	Tỷ lệ SH cổ phần
Bà Hoàng Thị Quyết	Trưởng Ban kiểm soát	3.000	0,05%
Ông Trương Minh Đức	Thành viên BKS/ QĐ PX	0	0%
Ông Đinh Bé Đính	Thành viên BKS /QĐ PX	400	0,007%

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban kiểm soát đã tiến hành hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ đối với HĐQT, Ban TGD và cán bộ quản trị, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

**4. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc, Ban kiểm soát**

**a) Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc:**

*Đơn vị tính; Đồng*

STT	Chức vụ	Số	Tiền lương	Tiền thưởng	Thù lao	Tổng cộng
-----	---------	----	------------	-------------	---------	-----------

**Báo cáo thường niên Công ty Cp mía đường Cao Bằng**

Kỳ báo cáo: Từ tháng 07/2023 đến hết tháng 6/2024

		thành viên			HDQT, BKS	
1	Chủ tịch HDQT	1	240.224.615	22.981.140	-	263.205.755
2	Phó chủ tịch HDQT kiêm Tổng GD	1	197.283.846	19.032.000	35.640.000	251.955.846
3	Thành viên HDQT	3	322.232.308	31.640.700	93.720.000	447.593.008
4	Trưởng Ban kiểm soát	1	161.120.000	15.701.400		176.821.400
5	Thành viên Ban kiểm soát	2	294.083.077	26.169.000	31.680.000	351.932.077
6	Phó Tổng giám đốc	1	172.211.538	16.653.000		188.864.538
	<b>Cộng</b>	<b>9</b>	<b>1.387.155.385</b>	<b>132.177.240</b>	<b>161.040.000</b>	<b>1.680.372.625</b>

**b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan:**

STT	Tên cổ đông	Quan hệ với CĐNB	SL cổ phần sở hữu đầu kỳ		Số lượng cổ phần sở hữu cuối kỳ		Ghi chú
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	tỷ lệ	
1	<b>Nông Văn Thuyết</b>	CT HDQT	276.674	5,22 %	285.874	5,4 %	Nhu cầu tài chính cá nhân
1.1	Hoàng Thị Tuyết Mai	Vợ	-		0		
1.2	Nông Triều Dương	Con	-		0		
1.3	Nông Hồng Duy	Con	0		0		
1.4	Nông Thị Thủy	Chị gái	5.400	0,10 %	6.400	0,12%	
1.5	Nông Văn Trình	Em trai	4.470	0,08 %	5.500	0,10%	
2	<b>Ma Trung Lập</b>	P CT HDQT /TGĐ	28.212	0,53 %	16.012	0,3%	Nhu cầu tài chính cá nhân
2.1	Lương Thị Hiên	Vợ	-		-		
2.2	Ma Đình Phong	Con	-		-		
3	<b>Ông Nông Văn Lạc</b>	Thành viên HDQT	40.000	0,76 %	40.000	0,76 %	
3.1	Bà Nông Thị Hoa	Vợ của Ông Nông Văn Lạc	32.923	0,62 %	32.923	0,62%	
3.2	Bà Nông Thị Thu Hà	Con của Ông Nông	30.048	0,56 %	30.048	0,56%	

		Văn Lạc					
3.3	Ông Nông Văn Sơn	Con của Ông Nông Văn Lạc	2.430.628	45,93 %	2.432.928	45,97%	Mua thêm
3.4	Ông Nông Văn Ba	Em của Ông Nông Văn Lạc	8.643	0,16 %	8.643	0,16%	
4	<b>Bà Mã Thị Quyết</b>	TV HĐQT/ KTT	77.526	1,46 %	77.526	1,46%	
4.1	Đàm Thịnh Hưng	Chồng	4.098	0,07 %	4.098	0,07 %	
4.2	Đàm Lê An Phương	Con	-		-		
4.3	Đàm Lê An Khánh	Con	-		-		
5	<b>Nông Văn Sơn</b>	Thành viên HĐQT/ Phó TGD	2.430.628	45,93 %	2.432.928	45,97%	Mua thêm
5.1	Nông Văn Lạc	Bố, Thành viên HĐQT	40.000	0,76 %	40.000	0,76%	
5.2	Nông Thị Hoa	Mẹ	32.923	0,62 %	32.923	0,62%	
5.3	Nông Thị Thu Hà	Chị	30.048	0,56 %	30.048	0,56%	
6	<b>Nông Thị Nậu</b>	Phó TGD	15.018	0,28 %	15.018	0,28 %	
6.1	Đình Ích Bôi	Chồng	-		-		
6.2	Đình Thị Bền	Con	-		-		
6.3	Đình Mạnh Vững	Con	-		-		
7	<b>Hoàng Thị Quyết</b>	TB BKS	1.500	0.02 %	3.000	0.05 %	Mua thêm
7.1	Hoàng Ngọc Long	Chồng	0		0		
7.2	Hoàng Ngọc Quỳnh	Con	0		0		
7.3	Hoàng Ngọc Ân	Con	0		0		
7.4	Hoàng Văn Trường	Anh	1,062	0.03%	1.593	0,03 %	
8	<b>Trương Minh Đức</b>	TV BKS	0		0		
8.1	Sầm Thị Hương	Vợ	0		0		
8.2	Trương Minh Huy	Con	0		0		
8.3	Trương Minh Tân	Con	0		0		
9	<b>Đình Bé Đình</b>	TV BKS	900	0,01 %	400	0,007%	Bán do nhu cầu cá

							nhân
9.1	Nông Thị Hoạch	Vợ	-				
9.2	Đình Bế Thiên Đan	Con	-				
9.3	Đình Thiên Lý	Con	-				

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

d) *Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:*

Công ty tiếp tục hoàn thiện các quy chế về quản trị công ty, theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, phù hợp với tình hình thực tế của công ty nhằm nâng cao hiệu lực hiệu quả trong điều hành quản lý Công ty.

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ( được trình bày trong phần tiếp theo)

Gồm các nội dung:

I. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

II. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

III. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

1. Bảng cân đối kế toán
2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
4. Thuyết minh báo cáo tài chính

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước;
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Đăng Website- CBS;
- Lưu Vt.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



CHỦ TỊCH HĐQT

*Nông Văn Thuyết*

**Báo cáo thường niên Công ty Cp mía đường Cao Bằng**

Kỳ báo cáo: Từ tháng 07/2023 đến hết tháng 6/2024



## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2024



## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	1 – 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4 – 5
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 – 32

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

## 1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng tiền thân là Công ty Mía đường Cao Bằng - DNNN trước đây được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng theo quyết định số 3560/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4800104012 ngày 14/03/2006 thay đổi lần thứ 07 ngày 12 tháng 05 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp.

Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất và kinh doanh đường tinh luyện.

Trụ sở chính: Thị trấn Tà Lùng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng

Vốn điều lệ của Công ty là: 52.918.680.000 VNĐ (Năm mươi hai tỷ chín trăm mười tám triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng chẵn), tương ứng với 5.291.868 cổ phần.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4800104012, thay đổi lần thứ 07 ngày 12 tháng 05 năm 2023, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất đường  
Chi tiết: Sản xuất, xuất khẩu xuất khẩu đường kính trắng theo tiêu chuẩn Việt Nam và các sản phẩm sau đường (rượu, cốm, bánh kẹo);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác  
Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành mía đường;
- Sửa chữa máy móc thiết bị  
Chi tiết: Sửa chữa máy móc thiết bị ngành mía đường;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp  
Chi tiết: Lắp đặt máy móc và thiết bị ngành mía đường;
- Trồng cây mía;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt;
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm  
Chi tiết: Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh  
Chi tiết: Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh;

## 2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Nông Văn Thuyết	Chủ tịch HĐQT
Ông Nông Văn Lạc	Thành viên HĐQT
Ông Ma Trung Lập	Phó Chủ tịch HĐQT
Bà Mã Thị Quyết	Thành viên HĐQT
Ông Nông Văn Sơn	Thành viên HĐQT

**Ban kiểm soát**

Bà Hoàng Thị Quyết	Trưởng ban
Ông Trương Minh Đức	Thành viên
Ông Đinh Bế Đính	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Ông Ma Trung Lập	Tổng Giám đốc
Bà Nông Thị Nậu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nông Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Mã Thị Quyết	Kế toán trưởng

**Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Ông Nông Văn Thuyết	Chủ tịch HĐQT
---------------------	---------------

**3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

**5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Công ty.

**6. Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị với Báo cáo tài chính**

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

---

Hội đồng Quản trị cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**7. Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



---

**NÔNG VĂN THUYẾT**  
Chủ tịch HĐQT

Cao Bằng, ngày 29 tháng 8 năm 2024



Số: 055/2024/BCKT-PB.00024

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông**  
**Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 8 năm 2024, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**VŨ GIANG NAM**

**Phó Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5246-2021-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM –  
CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2024

**NGUYỄN VĂN VINH**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5023-2020-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024**

TÀI SẢN	Mã số	TM	30/06/2024 VND	01/07/2023 VND
<b>A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>218.062.712.473</b>	<b>184.196.577.508</b>
<b>I/ Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>14.165.515.762</b>	<b>18.895.458.179</b>
1. Tiền	111		14.165.515.762	18.895.458.179
<b>II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>110.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	110.000.000.000	100.000.000.000
<b>III/ Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>26.068.220.835</b>	<b>21.104.403.738</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	12.586.962.900	14.552.500.950
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	9.214.893.340	1.188.402.946
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	3.926.831.910	5.023.967.157
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(45.100.000)	(45.100.000)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		384.632.685	384.632.685
<b>IV/ Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.7</b>	<b>58.583.726.117</b>	<b>33.946.357.298</b>
1. Hàng tồn kho	141		58.583.726.117	33.946.357.298
<b>V/ Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>9.245.249.759</b>	<b>10.250.358.293</b>
1. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.16	9.245.249.759	10.250.358.293
<b>B/ TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>51.998.781.206</b>	<b>56.819.102.210</b>
<b>I/ Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II/ Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>33.110.977.164</b>	<b>38.729.855.289</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	32.019.419.006	37.585.533.699
- Nguyên giá	222		238.751.167.695	241.757.203.949
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(206.731.748.689)	(204.171.670.250)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	1.091.558.158	1.144.321.590
- Nguyên giá	228		1.842.128.434	1.842.128.434
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(750.570.276)	(697.806.844)
<b>III/ Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV/ Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>10.830.845.587</b>	<b>10.640.634.678</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	10.830.845.587	10.640.634.678
<b>V/ Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI/ Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.056.958.455</b>	<b>7.448.612.243</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	8.056.958.455	7.448.612.243
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>270.061.493.679</b>	<b>241.015.679.718</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	30/06/2024 VND	01/07/2023 VND
<b>C/ NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>23.107.378.042</b>	<b>26.792.600.829</b>
<b>I/ Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>23.107.378.042</b>	<b>26.792.600.829</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	301.999.645	254.090.416
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	7.855.875.604	10.296.861.622
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	1.918.708.814	3.430.151.662
4. Phải trả người lao động	314		1.927.309.904	3.164.908.325
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		211.220.940	109.155.068
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	885.681.785	1.820.258.307
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.15	2.987.165.710	2.858.870.000
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		7.019.415.640	4.858.305.429
<b>II/ Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>246.954.115.637</b>	<b>214.223.078.889</b>
<b>I/ Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.18</b>	<b>246.919.115.637</b>	<b>214.188.078.889</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		52.918.680.000	52.918.680.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		52.918.680.000	52.918.680.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		66.894.768.803	66.894.768.803
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		127.105.666.834	94.374.630.086
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		74.272.620.706	39.395.915.044
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		52.833.046.128	54.978.715.042
<b>II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>35.000.000</b>	<b>35.000.000</b>
1. Nguồn kinh phí	431		35.000.000	35.000.000
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>270.061.493.679</b>	<b>241.015.679.718</b>



**NÔNG VĂN THUYẾT**  
Chủ tịch HĐQT

Cao Bằng, ngày 29 tháng 8 năm 2024

**MÃ THỊ QUYẾT**  
Kế toán trưởng

**MÃ THỊ QUYẾT**  
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	243.699.791.779	297.330.238.546
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	19.980.000	16.965.000
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>243.679.811.779</b>	<b>297.313.273.546</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	188.037.129.000	236.643.040.602
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>55.642.682.779</b>	<b>60.670.232.944</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	4.656.747.815	4.980.431.126
7. Chi phí tài chính	22	6.5	450.782.695	908.924.055
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		315.616.438	797.123.288
8. Chi phí bán hàng	25	6.6	981.775.809	1.278.372.138
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	5.136.653.511	6.539.484.122
10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>53.730.218.579</b>	<b>56.923.883.755</b>
11. Thu nhập khác	31	6.8	12.141.608.161	14.247.778.206
12. Chi phí khác	32	6.9	12.033.672.078	13.967.179.987
13. <b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>107.936.083</b>	<b>280.598.219</b>
14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>53.838.154.662</b>	<b>57.204.481.974</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	1.005.108.534	2.225.766.932
16. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>52.833.046.128</b>	<b>54.978.715.042</b>
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	8.736	12.381
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.11	8.736	12.381



**NÔNG VĂN THUYẾT**

Chủ tịch HĐQT

Cao Bằng, ngày 29 tháng 8 năm 2024

**MÃ THỊ QUYẾT**

Kế toán trưởng

**MÃ THỊ QUYẾT**

Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp trực tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>I/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	253.631.304.755	291.543.368.101
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02	(185.904.668.511)	(180.222.088.490)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(19.593.989.216)	(16.907.212.594)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(315.616.438)	(797.123.288)
5. Thuế TNDN đã nộp	05	-	(12.521.211.587)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.987.858.276	1.565.399.981
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(27.716.958.966)	(24.450.183.025)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>22.087.929.900</b>	<b>58.210.949.098</b>
<b>II/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(10.876.556.627)	(2.944.927.971)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	157.272.726	78.650.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(270.500.000.000)	(244.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của các đơn vị khác	24	260.500.000.000	174.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.503.109.459	2.518.305.101
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(14.216.174.442)</b>	<b>(70.347.972.870)</b>
<b>III/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	40.000.000.000	30.000.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(40.000.000.000)	(36.437.168.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(12.601.697.875)	(10.070.644.300)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(12.601.697.875)</b>	<b>(16.507.812.300)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(4.729.942.417)</b>	<b>(28.644.836.072)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>18.895.458.179</b>	<b>47.509.979.861</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61	-	30.314.390
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>14.165.515.762</b>	<b>18.895.458.179</b>



**NÔNG VĂN THUYẾT**  
 Chủ tịch HĐQT

Cao Bằng, ngày 29 tháng 8 năm 2024

**MÃ THỊ QUYẾT**  
 Kế toán trưởng

**MÃ THỊ QUYẾT**  
 Người lập biểu

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

## **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng tiền thân là Công ty Mía đường Cao Bằng - DNNN trước đây được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng theo quyết định số 3560/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4800104012 ngày 14/03/2006 thay đổi lần thứ 07 ngày 12 tháng 05 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp.

Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất và kinh doanh đường tinh luyện.

Trụ sở chính: Thị trấn Tà Lùng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng

Vốn điều lệ của Công ty là: 52.918.680.000 VNĐ (Năm mươi hai tỷ chín trăm mười tám triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng chẵn), tương ứng với 5.291.868 cổ phần.

Công ty hiện đang niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch UPCOM theo quyết định số 428/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Tổng giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Mã chứng khoán: CBS.

### **1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động sản xuất và kinh doanh đường tinh luyện.

### **1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4800104012, thay đổi lần thứ 07 ngày 12 tháng 05 năm 2023, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất đường  
Chi tiết: Sản xuất, xuất khẩu xuất khẩu đường kính trắng theo tiêu chuẩn Việt Nam và các sản phẩm sau đường (rượu, cồn, bánh kẹo);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác  
Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành mía đường;
- Sửa chữa máy móc thiết bị  
Chi tiết: Sửa chữa máy móc thiết bị ngành mía đường;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp  
Chi tiết: Lắp đặt máy móc và thiết bị ngành mía đường;
- Trồng cây mía;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt;
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm  
Chi tiết: Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh

Chi tiết: Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh

#### **1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### **1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Trong năm, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng.

#### **1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của năm nay so sánh được với số liệu của năm trước.

### **2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 năm trước và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm sau.

#### **2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư sửa đổi có liên quan.

#### **3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Hội đồng Quản trị đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

### 4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

#### *Dự phòng nợ khó đòi*

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo qui định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình sản xuất.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Là chi phí nguyên vật liệu đóng bao đường túi.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Các mặt hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân giá quyền theo tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### **4.6 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

##### ***Chi phí sửa chữa tài sản cố định***

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

##### ***Chi phí khác***

Chi phí khác là các khoản chi phí mua bảo hiểm xe ô tô, bảo hiểm tai nạn cho người lao động. Các khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tương ứng đối với từng khoản chi phí.

#### **4.7 Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê

#### **4.8 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc và thiết bị	03 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

#### **4.9 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất của công ty bao gồm các diện tích đất có thời hạn sử dụng và không có thời hạn sử dụng cho mục đích xả thải. Chi tiết các diện tích đất được trình bày tại thuyết minh 5.8.

#### ***Chương trình phần mềm***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 07 năm.

#### **4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### **4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Chi phí phải trả gồm các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### **4.12 Vốn chủ sở hữu**

##### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### **4.13 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có thông báo chi trả cổ tức.



#### 4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### 4.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

#### 4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

##### *Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty áp dụng chính sách thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành như sau:

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất chế biến sản phẩm đường kính từ nguyên liệu mía cây được thu mua của các nông hộ sản xuất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Quy định tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính; Công văn số 3680/TCT-CS ngày 21/08/2023 của Tổng cục Thuế; Công văn số 1643/CTCBA-TTHT ngày 25/08/2023 của Cục Thuế tỉnh Cao Bằng.
- Thu nhập từ các hoạt động khác chịu thuế TNDN với thuế suất thuế TNDN hiện hành 20%.

### 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2024	01/07/2023
	VND	VND
Tiền mặt	404.955.000	541.131.500
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.760.560.762	18.354.326.679
<i>Tiền gửi VND</i>	13.759.930.202	18.335.131.074
<i>Tiền gửi ngoại tệ</i>	630.560	19.195.605
<b>Cộng</b>	<b>14.165.515.762</b>	<b>18.895.458.179</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

**5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

	30/06/2024		01/07/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn	110.000.000.000	110.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>110.000.000.000</b>	<b>110.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>

Chi tiết các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn	Giá trị	Thời hạn	Lãi suất
Tiền gửi tại Agribank CN Nam Quảng Hòa	30.000.000.000	6 tháng	3%/năm
Tiền gửi tại Vietinbank CN CB	50.000.000.000	6 tháng	3,3 - 3,8%/năm
Tiền gửi tại NH Liên Việt PGD Phục Hòa	30.000.000.000	6 tháng	4,8%/năm

**5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	30/06/2024		01/07/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH TMTH Kim Anh	223.110.000	-	-	-
Công ty TNHH SX và Thương Mại Tư Dung	130.470.000	-	208.560.000	-
Phải thu nợ vùng nguyên liệu	11.657.262.900	-	13.627.970.950	-
Các khách hàng khác	576.120.000	(35.100.000)	715.970.000	(35.100.000)
<b>Cộng</b>	<b>12.586.962.900</b>	<b>(35.100.000)</b>	<b>14.552.500.950</b>	<b>(35.100.000)</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2024		01/07/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Mậu dịch Hoa Khánh huyện Long Châu - TQ	-	-	413.982.390	-
Công ty TNHH XD TM Duy Tiến	1.249.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Mậu dịch XNK Hoa Lạc huyện Long Châu - TQ	2.160.929.799	-	-	-
Công ty TNHH Thiết bị năng lượng môi trường Tinh nhuệ Quảng Tây	4.415.146.521	-	-	-
Công ty TNHH Thương mại Kim Khí Việt	-	-	573.371.810	-
Các khách hàng khác	1.389.817.020	-	201.048.746	-
<b>Cộng</b>	<b>9.214.893.340</b>	<b>-</b>	<b>1.188.402.946</b>	<b>-</b>

**5.5 Phải thu khác ngắn hạn**

	30/06/2024		01/07/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Lãi dự thu tiền gửi	566.821.918	-	2.413.183.562	-
Tạm ứng	2.791.960.000	-	2.199.152.125	-
Phải thu BHXH, KPCĐ người lao động	467.649.992	-	281.298.611	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	100.400.000	(10.000.000)	130.332.859	(10.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>3.926.831.910</b>	<b>(10.000.000)</b>	<b>5.023.967.157</b>	<b>(10.000.000)</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

**5.6 Nợ xấu**

	30/06/2024		01/07/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Hà Thị Thoa	35.100.000	-	35.100.000	-
Ban QL KKT cửa khẩu Tà Lùng	10.000.000	-	10.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>45.100.000</b>	<b>-</b>	<b>45.100.000</b>	<b>-</b>

**5.7 Hàng tồn kho**

	30/06/2024		01/07/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.954.032.953	-	982.875.566	-
Công cụ, dụng cụ	2.714.601.342	-	4.524.547.157	-
Chi phí SXKD dở dang	10.812.951	-	28.515.529	-
Thành phẩm	52.433.572.761	-	27.797.987.549	-
Hàng hoá	193.704.938	-	342.522.583	-
Hàng gửi đi bán	277.001.172	-	269.908.914	-
<b>Cộng</b>	<b>58.583.726.117</b>	<b>-</b>	<b>33.946.357.298</b>	<b>-</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BÀNG  
Địa chỉ: Thị trấn Tả Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
<b>01/07/2023</b>	<b>60.730.615.266</b>	<b>176.773.465.716</b>	<b>4.002.813.083</b>	<b>250.309.884</b>	<b>241.757.203.949</b>
Mua trong năm		1.768.129.898		134.581.482	1.902.711.380
Kết chuyển từ ĐTXDCB		330.777.862			330.777.862
Thiết bị đưa vào sử dụng		388.319.742			388.319.742
Thanh lý, nhượng bán	(109.782.366)	(5.480.357.508)		(37.705.364)	(5.627.845.238)
<b>30/06/2024</b>	<b>60.620.832.900</b>	<b>173.780.335.710</b>	<b>4.002.813.083</b>	<b>347.186.002</b>	<b>238.751.167.695</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>					
<b>01/07/2023</b>	<b>49.021.778.286</b>	<b>152.065.972.834</b>	<b>2.869.139.549</b>	<b>214.779.581</b>	<b>204.171.670.250</b>
Khấu hao trong năm	1.437.097.903	6.530.903.314	190.878.989	29.043.471	8.187.923.677
Thanh lý, nhượng bán	(109.782.366)	(5.480.357.508)		(37.705.364)	(5.627.845.238)
<b>30/06/2024</b>	<b>50.349.093.823</b>	<b>153.116.518.640</b>	<b>3.060.018.538</b>	<b>206.117.688</b>	<b>206.731.748.689</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
<b>01/07/2023</b>	<b>11.708.836.980</b>	<b>24.707.492.882</b>	<b>1.133.673.534</b>	<b>35.530.303</b>	<b>37.585.533.699</b>
<b>30/06/2024</b>	<b>10.271.739.077</b>	<b>20.663.817.070</b>	<b>942.794.545</b>	<b>141.068.314</b>	<b>32.019.419.006</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 129.210.725.617 đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BĂNG**  
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

**5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Quyền phát hành VND	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Chương trình phần mềm VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>						
01/07/2023	1.724.719.343	-	-	117.409.091	-	1.842.128.434
30/06/2024	1.724.719.343	-	-	117.409.091	-	1.842.128.434
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>						
01/07/2023	580.397.753	-	-	117.409.091	-	697.806.844
Khấu hao trong năm	52.763.432	-	-	-	-	52.763.432
30/06/2024	633.161.185	-	-	117.409.091	-	750.570.276
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
01/07/2023	1.144.321.590	-	-	-	-	1.144.321.590
30/06/2024	1.091.558.158	-	-	-	-	1.091.558.158

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 117.409.091 đồng

Giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2024 gồm:

Lô đất	Diện tích (m2)	Thời hạn sử dụng	Giá trị (VND)	Pháp lý
Đất ao thải	8.890	20 năm	1.055.268.643	Đã có sổ đỏ
Đất tuyến mương thoát nước ao thải		Không thời hạn	27.191.700	Đang làm sổ đỏ
Đất bến Xà Lan	3.633,5	Không thời hạn	574.911.000	Đang làm sổ đỏ
Đất tại cửa xả nước thải	160	Không thời hạn	67.348.000	Đang làm sổ đỏ

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

**5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	01/07/2023	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển tăng TSCĐ trong năm	30/06/2024
	VND	VND	VND	VND
Xây dựng cơ bản	10.640.634.678	520.988.771	330.777.862	10.830.845.587
<i>Dự án Trại mía giống</i>	442.919.903	-	-	442.919.903
<i>Dự án khu dân cư</i>	5.207.254.052	-	-	5.207.254.052
<i>Gian hàng shophouse</i>	4.900.460.723	-	-	4.900.460.723
<i>Bể nước hồi lưu</i>	90.000.000	-	-	90.000.000
<i>Hệ thống lắng nổi mật chè</i>	-	190.210.909	-	190.210.909
<i>Thiết bị, công trình khác</i>	-	330.777.862	330.777.862	-
	<b>10.640.634.678</b>	<b>520.988.771</b>	<b>330.777.862</b>	<b>10.830.845.587</b>

**5.11 Chi phí trả trước dài hạn**

	30/06/2024	01/07/2023
	VND	VND
Thiết bị, công cụ, dụng cụ xuất dùng	6.841.270.871	6.489.486.586
Chi phí sửa chữa	1.111.925.027	773.702.990
Các khoản khác	103.762.557	185.422.667
<b>Cộng</b>	<b>8.056.958.455</b>	<b>7.448.612.243</b>

**5.12 Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2024		01/07/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Smart key factory Việt Nam	1.323.000	1.323.000	168.152.600	168.152.600
Công ty TNHH Mậu dịch Hoa Khánh huyện Long Châu TQ	51.698.570	51.698.570	60.449.216	60.449.216
Công ty TNHH Mậu dịch XNK Hoa Lạc huyện Long Châu - TQ	203.629.735	203.629.735	-	-
Các nhà cung cấp khác	45.348.340	45.348.340	25.488.600	25.488.600
<b>Cộng</b>	<b>301.999.645</b>	<b>301.999.645</b>	<b>254.090.416</b>	<b>254.090.416</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

**5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<b>30/06/2024</b>		<b>01/07/2023</b>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty CPTM&DV Song Phương	-	-	2.340.000.000	2.340.000.000
Công ty TNHH Thành Hựu Lương Thị Bắc	3.223.300.000	3.223.300.000	1.170.100.000	1.170.100.000
Lê Thị Đức - Cty TNHH Đức Lộc	-	-	2.322.000.000	2.322.000.000
Lê Thị Đức - Cty TNHH Đức Lộc	2.255.000.000	2.255.000.000	4.340.000.000	4.340.000.000
Công ty TNHH SXTM Hải Hà	2.330.610.001	2.330.610.001	-	-
Các đối tượng khác	46.965.603	46.965.603	124.761.622	124.761.622
<b>Cộng</b>	<b>7.855.875.604</b>	<b>7.855.875.604</b>	<b>10.296.861.622</b>	<b>10.296.861.622</b>

**5.14 Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/06/2024</b>		<b>01/07/2023</b>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Kinh phí công đoàn	182.602.816	182.602.816	306.942.020	306.942.020
Cổ tức phải trả	19.619.875	19.619.875	18.229.400	18.229.400
Phải trả khác	683.459.094	683.459.094	1.495.086.887	1.495.086.887
<b>Cộng</b>	<b>885.681.785</b>	<b>885.681.785</b>	<b>1.820.258.307</b>	<b>1.820.258.307</b>

**5.15 Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	<b>30/06/2024</b>	<b>01/07/2023</b>
	VND	VND
Dự phòng quỹ lương mùa vụ tiếp theo	2.987.165.710	2.858.870.000
<b>Cộng</b>	<b>2.987.165.710</b>	<b>2.858.870.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐUỜNG CAO BẰNG**  
Địa chỉ: Thị trấn Tả Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

5.16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số phải thu	Số phải nộp
	đầu năm	đầu năm	trong năm	trong năm	cuối năm	cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	3.319.255.133	10.430.337.092	11.833.297.316	-	1.916.294.909
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	174.267.225	174.267.225	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.250.358.293	-	1.005.108.534	-	9.245.249.759	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	650.134.843	647.720.938	-	2.413.905
Thuế tài nguyên	-	-	176.650.020	176.650.020	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	110.896.529	388.133.886	499.030.415	-	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	77.422.972	77.422.972	-	-
<b>Cộng</b>	<b>10.250.358.293</b>	<b>3.430.151.662</b>	<b>12.902.054.572</b>	<b>13.408.388.886</b>	<b>9.245.249.759</b>	<b>1.918.708.814</b>

**Thuế giá trị gia tăng:** Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, giá trị thuế phát sinh từ tháng 5 đến tháng 9 năm 2024 được gia hạn nộp thuế theo nghị định số 64/2024/NĐ-CP ngày 28/06/2024 của chính phủ.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp:** Công ty áp dụng chính sách thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành như sau:

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất chế biến sản phẩm đường kính từ nguyên liệu mía cây được thu mua của các nông hộ sản xuất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Quy định tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính; Công văn số 3680/TCT-CS ngày 21/08/2023 của Tổng cục Thuế; Công văn số 1643/CTCBA-TTHT ngày 25/08/2023 của Cục Thuế tỉnh Cao Bằng.
- Thu nhập từ các hoạt động khác chịu thuế TNDN với thuế suất thuế TNDN hiện hành 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BÀNG  
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

**5.17 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	30/06/2024		Trong năm		01/07/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay ngắn hạn</b>						
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - CN Nam Quảng Hòa	-	-	40.000.000.000	40.000.000.000	-	-
	-	-	40.000.000.000	40.000.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	-	-	<b>40.000.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

5.18 Vốn chủ sở hữu (“VCSH”)

5.18.1 Bảng biến động vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Tổng cộng		
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>35.279.250.000</b>	-	<b>66.894.768.803</b>	-	<b>73.611.795.525</b>	<b>175.785.814.328</b>		
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	54.978.715.042	54.978.715.042		
Chia cổ tức	17.639.430.000				(28.223.205.000)	(10.583.775.000)		
Trích lập các quỹ					(5.992.675.481)	(5.992.675.481)		
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>52.918.680.000</b>	-	<b>66.894.768.803</b>	-	<b>94.374.630.086</b>	<b>214.188.078.889</b>		
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>52.918.680.000</b>	-	<b>66.894.768.803</b>	-	<b>94.374.630.086</b>	<b>214.188.078.889</b>		
Lãi trong năm nay					52.833.046.128	52.833.046.128		
Chia cổ tức (i)					(13.229.670.000)	(13.229.670.000)		
Trích lập các quỹ (i)					(6.872.339.380)	(6.872.339.380)		
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>52.918.680.000</b>	-	<b>66.894.768.803</b>	-	<b>127.105.666.834</b>	<b>246.919.115.637</b>		

(i) Công ty trích lập các quỹ và chia cổ tức bằng tiền theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên số 478/2023/NQ-ĐHCĐTN ngày 18/10/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

**5.18.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	30/06/2024		01/07/2023	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Nông Văn Sơn	24.329.280.000	45,97%	24.306.280.000	45,93%
Nông Văn Thuyết	2.858.740.000	5,40%	2.766.740.000	5,23%
Vốn góp của cổ đông khác	25.730.660.000	48,63%	25.845.660.000	48,84%
<b>Cộng</b>	<b>52.918.680.000</b>	<b>100%</b>	<b>52.918.680.000</b>	<b>100%</b>

**5.18.3 Cổ phiếu**

	30/06/2024 Cổ phiếu	01/07/2023 Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>5.291.868</b>	<b>5.291.868</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>5.291.868</b>	<b>5.291.868</b>
Cổ phiếu phổ thông	5.291.868	5.291.868
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>5.291.868</b>	<b>5.291.868</b>
Cổ phiếu phổ thông	5.291.868	5.291.868
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán đường	232.281.924.220	282.481.108.906
Doanh thu bán phụ phẩm sản xuất đường, doanh thu khác	11.417.867.559	14.849.129.640
<b>Cộng</b>	<b>243.699.791.779</b>	<b>297.330.238.546</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

**6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giảm giá hàng bán	19.980.000	16.965.000
<b>Cộng</b>	<b>19.980.000</b>	<b>16.965.000</b>

**6.3 Giá vốn hàng bán**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn đường	188.036.869.000	235.855.745.218
Giá vốn phụ phẩm sản xuất đường, giá vốn khác	260.000	787.295.384
<b>Cộng</b>	<b>188.037.129.000</b>	<b>236.643.040.602</b>

**6.4 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.656.732.616	4.931.488.663
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	15.199	48.942.463
	<b>4.656.747.815</b>	<b>4.980.431.126</b>

**6.5 Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	315.616.438	797.123.288
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	135.162.834	111.452.293
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.423	348.474
<b>Cộng</b>	<b>450.782.695</b>	<b>908.924.055</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

**6.6 Chi phí bán hàng**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	319.536.269	273.116.061
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	17.802.829
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác	662.239.540	987.453.248
<b>Cộng</b>	<b>981.775.809</b>	<b>1.278.372.138</b>

**6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.793.736.123	1.851.591.353
Chi phí đồ dùng văn phòng	289.186.062	155.348.660
Chi phí khấu hao TSCĐ	340.884.414	324.763.291
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(58.718.060)
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác	1.709.846.912	4.085.969.567
<b>Cộng</b>	<b>5.136.653.511</b>	<b>6.539.484.122</b>

**6.8 Thu nhập khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	157.272.726	71.500.000
Bán phân bón, mía giống	11.523.000.557	13.379.136.707
Thu nhập khác	461.334.878	797.141.499
<b>Cộng</b>	<b>12.141.608.161</b>	<b>14.247.778.206</b>

**6.9 Chi phí khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của phân bón, mía giống	11.575.795.442	13.705.242.064
Các khoản khác	457.876.636	261.937.923
<b>Cộng</b>	<b>12.033.672.078</b>	<b>13.967.179.987</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

**6.10 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>53.838.154.662</b>	<b>57.204.481.974</b>
<b>Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN</b>	<b>381.028.309</b>	<b>6.655.646.197</b>
Các khoản điều chỉnh tăng	381.028.309	6.655.646.197
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	<i>381.028.309</i>	<i>6.655.646.197</i>
<b>Thu nhập được miễn thuế</b>	<b>49.193.640.302</b>	<b>52.731.293.512</b>
<b>Thu nhập tính thuế TNDN</b>	<b>5.025.542.669</b>	<b>11.128.834.659</b>
<b>Thuế suất thuế TNDN</b>	<b>20%</b>	<b>20%</b>
<b>Thuế TNDN theo thuế suất thông thường</b>	<b>1.005.108.534</b>	<b>2.225.766.932</b>
<b>Chi phí thuế TNDN năm hiện hành</b>	<b>1.005.108.534</b>	<b>2.225.766.932</b>

Trong đó :

CHỈ TIÊU	Mã số	Kết quả SXKD năm nay VND	Hoạt động SXKD được miễn thuế VND	Hoạt động SXKD khác VND
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>243.699.791.779</b>	<b>243.699.791.779</b>	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19.980.000	19.980.000	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>243.679.811.779</b>	<b>243.679.811.779</b>	-
4. Giá vốn hàng bán	11	188.037.129.000	187.986.713.848	50.415.152
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>	<b>55.642.682.779</b>	<b>55.693.097.931</b>	<b>(50.415.152)</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.656.747.815	-	4.656.747.815
7. Chi phí tài chính	22	450.782.695	-	450.782.695
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>23</i>	<i>315.616.438</i>	<i>-</i>	<i>315.616.438</i>
8. Chi phí bán hàng	25	981.775.809	981.775.809	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.136.653.511	5.136.653.511	-
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>	<b>53.730.218.579</b>	<b>49.574.668.611</b>	<b>4.155.549.968</b>
11. Thu nhập khác	31	12.141.608.161	-	12.141.608.161
12. Chi phí khác	32	12.033.672.078	381.028.309	11.652.643.769
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>	<b>107.936.083</b>	<b>(381.028.309)</b>	<b>488.964.392</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>	<b>53.838.154.662</b>	<b>49.193.640.302</b>	<b>4.644.514.360</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

**6.11 Lãi cơ bản/Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN</b>	52.833.046.128	54.978.715.042
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	52.833.046.128	54.978.715.042
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	(6.604.130.766)	(6.872.339.380)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.291.868	3.885.546
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>8.736</b>	<b>12.381</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>8.736</b>	<b>12.381</b>

(i) Đại hội đồng Cổ đông đã phê duyệt mức trích lập các quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2022 – 2023 là 12,5%, tương ứng với 6.872.339.380 đồng. Đại hội đồng Cổ đông cũng đã phê duyệt kế hoạch trích lập các quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi với tỷ lệ 12,5% cho năm tài chính 2023 – 2024 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 478/2023/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 18/10/2023

Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm trước được trình bày lại như sau:

	Số đã trình bày VND	Năm trước Số trình bày lại VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN</b>	54.978.715.042	54.978.715.042
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	54.978.715.042	54.978.715.042
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(5.992.675.481)	(6.872.339.380)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.885.546	3.885.546
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>12.607</b>	<b>12.381</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>12.607</b>	<b>12.381</b>

**6.12 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	26.251.143.588	24.069.427.450
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	176.810.840.937	154.201.920.140
Chi phí công cụ dụng cụ	1.620.134.453	524.047.504
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.240.687.109	8.557.544.741
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	-	(58.718.060)
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác	5.918.460.435	17.642.559.726
<b>Cộng</b>	<b>218.844.266.522</b>	<b>204.939.781.501</b>



## 7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

### 7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 7.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Thành viên quản lý	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Nông Văn Thuyết	Chủ tịch HĐQT	263.205.755	210.624.231
Nông Văn Lạc	Thành Viên HĐQT	30.360.000	27.634.000
Ma Trung Lập	Phó Chủ tịch HĐQT	251.955.846	200.993.721
Nông Văn Sơn	Thành Viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	214.153.000	177.236.308
Mã Thị Quyết	Thành Viên HĐQT - Kế toán trưởng	203.080.008	170.140.154
Nông Thị Nậu	Phó Tổng giám đốc	188.864.538	153.346.846
Hoàng Thị Quyết	Trưởng BKS	176.821.400	140.388.231
Trương Minh Đức	Thành viên BKS	175.713.731	144.730.338
Đình Bế Đính	Thành viên BKS	176.218.346	145.609.962
	<b>Cộng</b>	<b>1.680.372.625</b>	<b>1.370.703.791</b>

#### 7.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Trong năm tài chính, Công ty không phát sinh giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

## 7.2 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc.

### 7.3 Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

---

**7.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



**NÔNG VĂN THUYẾT**

**Chủ tịch HĐQT**

Cao Bằng, ngày 29 tháng 8 năm 2024



**MÃ THỊ QUYẾT**

**Kế toán trưởng**



**MÃ THỊ QUYẾT**

**Người lập biểu**

